

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Đặc điểm đô thị hóa ở nước ta hiện nay là

- A. đô thị hoá đồng đều giữa các vùng. B. số lượng đô thị tăng khá nhanh.
C. các đô thị chỉ có chức năng kinh tế. D. trình độ đô thị hoá đang rất cao.

Câu 2: Thiên nhiên nước ta có sự phân hoá đông - tây chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa và hướng của các dãy núi. B. vị trí nội chí tuyến, địa hình nhiều núi.
C. địa hình đồi núi cao, vị trí giáp biển. D. địa hình nhiều núi và gió Tây nam.

Câu 3: Ý nghĩa quan trọng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta là

- A. tạo liên kết giữa các ngành, các thành phần kinh tế.
B. sử dụng hợp lý lao động nữ, giải quyết việc làm.
C. phát huy các lợi thế, sử dụng hợp lý các nguồn lực.
D. phát huy tiềm lực, sức mạnh các thành phần kinh tế.

Câu 4: Cơ cấu công nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng

- A. tăng tỉ trọng công nghiệp khai khoáng. B. tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
C. giảm tỉ trọng các ngành công nghệ cao. D. tăng tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước.

Câu 5: Biện pháp chủ yếu để bảo vệ và duy trì tính đa dạng sinh học ở nước ta là

- A. ban hành sách Đỏ, xây dựng các vườn quốc gia, khu bảo tồn.
B. bảo vệ cảnh quan, tích cực trồng rừng phủ xanh đồi núi trọc.
C. cải tạo đồi núi trọc, trồng rừng, giao đất giao rừng cho dân.
D. tích cực trồng rừng, ban hành sách Đỏ, bảo vệ rừng phòng hộ.

Câu 6: Thành phần kinh tế giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta là

- A. kinh tế tập thể. B. kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
C. kinh tế Nhà nước. D. kinh tế tư nhân.

Câu 7: Vị trí địa lí nước ta nằm ở

- A. bờ phía tây của Ấn Độ Dương. B. phía đông của Thái Bình Dương.
C. vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc. D. rìa phía nam của vùng xích đạo.

Câu 8: Thiên tai thường xảy ra ở vùng miền núi nước ta là

- A. bão cát. B. xâm nhập mặn. C. ngập lụt. D. lũ quét.

Câu 9: Lao động nước ta có đặc điểm

- A. phân bố tập trung nhiều ở thành thị. B. số lượng giống nhau giữa các vùng

- C. chủ yếu có trình độ chuyên môn cao. D. tỉ lệ chưa qua đào tạo chiếm ưu thế.

Câu 10: Gió mùa Đông Bắc ở nước ta có nguồn gốc xuất phát từ

- A. áp cao Xi-bia. B. Trung Quốc. C. áp cao Nam bán cầu. D. Ấn Độ Dương.

Câu 11: Nguồn cung cấp thịt chủ yếu của nước ta hiện nay là từ chăn nuôi

- A. trâu. B. gia cầm. C. bò. D. lợn.

Câu 12: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay phát triển nhanh?

- A. Ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, đối tượng nuôi đa dạng.
B. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn, kĩ thuật đổi mới.
C. Thị trường tiêu thụ mở rộng, công nghiệp chế biến phát triển.
D. Công nghiệp chế biến phát triển, chất lượng lao động tăng.

Câu 13: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng đồi núi nước ta là

- A. đất phù sa. B. đất xám bạc màu. C. đất feralit. D. đất mùn thô.

Câu 14: Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc chủ yếu do

- A. địa hình có độ dốc cao và mưa lớn theo mùa.
B. mưa nhiều và địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh.
C. lượng mưa lớn, địa hình chủ yếu đồi núi thấp.
D. khí hậu cận nhiệt gió mùa, mất lớp phủ thực vật.

Câu 15: Dân số nước ta

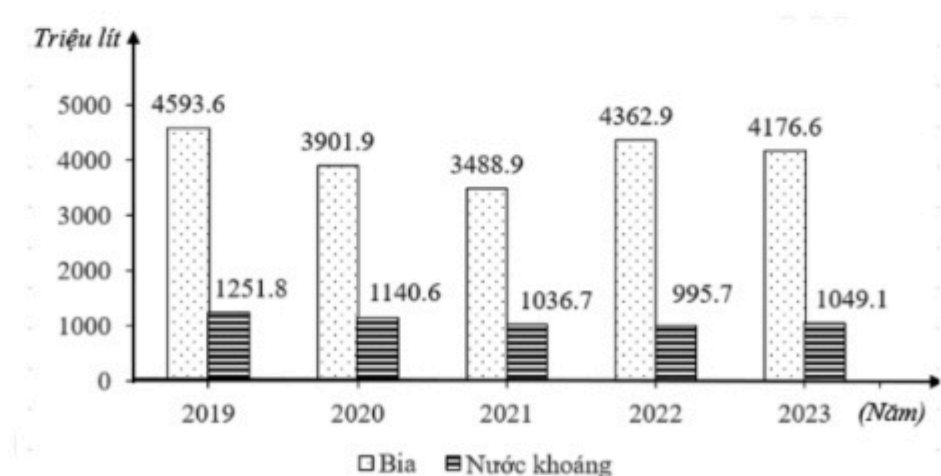
- A. phân bố đồng đều. B. qui mô nhỏ và giảm.
C. cơ cấu đang già hoá. D. tỉ lệ gia tăng rất cao.

Câu 16: Trang trại nuôi trồng thủy sản tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Đồng bằng Sông Cửu Long. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 17: Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2019 – 2023



(Nguồn: Số liệu theo giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống Kê, 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Giai đoạn 2019 - 2023 sản lượng bia, nước khoáng đều tăng do nhu cầu thị trường tăng.
- B. Sản lượng nước khoáng không ổn định do chưa áp dụng công nghệ mới trong sản xuất.
- C. Sản lượng bia, nước khoáng từ năm 2019 - 2021 tăng, từ 2021 - 2023 giảm mạnh liên tục.
- D. Giai đoạn 2019 - 2023 sản lượng bia, nước khoáng đều giảm, bia giảm 417 triệu lít.

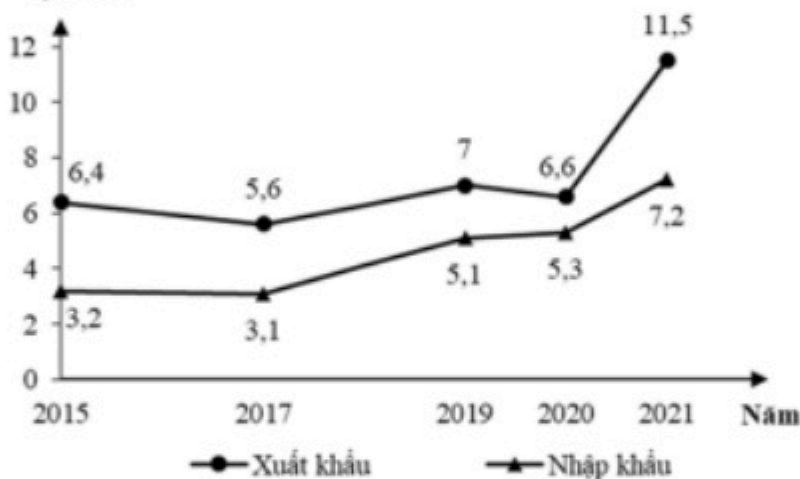
Câu 18: Thuận lợi tự nhiên để sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta là

- A. khí hậu cận nhiệt đới mưa nhiều.
- B. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
- C. thị trường thế giới nhiều biến động.
- D. có nhiều diện tích đất feralit.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho biểu đồ:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA BRU-NÂY, GIAI ĐOẠN 2015 – 2021
Tỷ USD



(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Năm 2021, Bru-nây có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá 4,3 tỉ USD.
- b) Từ năm 2015 - 2021, trị giá nhập khẩu của Bru-nây tăng nhanh hơn trị giá xuất khẩu.
- c) Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Bru-nây tăng ổn định trong giai đoạn 2015 - 2021.
- d) Từ năm 2019 đến năm 2021, Bru-nây có cán cân thương mại luôn nhập siêu.

Câu 2: Cho thông tin sau: Ngành chăn nuôi nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực trong thời gian gần đây. Tỉ trọng sản xuất của ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp năm 2010 là 25,1 %, năm 2021 là 34,7% và ngày càng có vai trò quan trọng.

- a) Số lượng đàn gia cầm tăng nhanh là do sự phát triển mạnh của công nghiệp chế biến thức ăn, sản xuất gắn với thị trường.
- b) Giá trị sản xuất và tỉ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp ngày càng tăng.
- c) Nhờ áp dụng kĩ thuật và công nghệ tiên tiến, hiệu quả sản xuất của ngành chăn nuôi ngày càng tăng.
- d) Phương thức chăn nuôi theo hướng hữu cơ chủ yếu mới chỉ tiến hành trong chăn nuôi bò sữa để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

Câu 3: Cho thông tin sau: Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành xuất hiện muộn hơn so với các ngành công nghiệp khác. Hiện nay ngành này đang khai thác các lợi thế về lao động, chính sách, khoa học công nghệ,... nên tăng trưởng nhanh với cơ cấu ngành rất đa dạng.

- a) Khó khăn chủ yếu với phát triển sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là thị trường tiêu thụ trong nước còn hạn chế.
- b) Giải pháp để đẩy mạnh phát triển ngành sản xuất sản phẩm điện tử là đầu tư, hình thành các nhà máy ở nông thôn nơi có nhiều lao động.
- c) Là ngành mới, có yêu cầu cao về vốn và lao động có kỹ thuật nên chủ yếu được phân bố ở các thành phố lớn.
- d) Tivi, tủ lạnh, máy tính và linh kiện, điện thoại các loại, thiết bị điện... là các sản phẩm chủ yếu của công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, tính nhiệt đới được thể hiện là lượng bức xạ mặt trời lớn, số giờ nắng nhiều và nhiệt độ trung bình năm cao.

- a) Lượng nhiệt ẩm, ánh sáng, nguồn nước dồi dào tạo điều kiện để nước ta tăng vụ, tăng năng suất trong phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên khắp mọi nơi trên lãnh thổ đều có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C .
- c) Biểu hiện tính nhiệt đới của khí hậu nước ta là nhiệt độ trung bình năm cao.
- d) Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí nước ta nằm trong khu vực gió mùa, tiếp giáp Biển Đông.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Theo Niên giám thống kê Việt Nam 2023, dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số thành thị là 38,2 triệu người. Hãy cho biết năm 2023, tỉ lệ dân số nông thôn nước ta là bao nhiêu %. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2010 và 2021

Năm	2010	2021
Diện tích gieo trồng (Triệu ha)	7,5	7,2
Sản lượng lúa (Triệu tấn)	40,0	43,9

(Nguồn SGK 12 - Kết nối tri thức và cuộc sống)

Căn cứ bảng số liệu trên cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha).

Câu 3: Theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, vùng Đồng bằng sông Hồng có số dân là 23372,4 nghìn người, diện tích của vùng là 21278,6 km^2 . Tính mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km^2).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2010 và 2021*(Đơn vị: Nghìn tỉ đồng)*

Năm	2010	2021
Tổng	3 045,6	13 026,8
Trong đó: Khu vực kinh tế Nhà nước	636,5	846,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu cho biết chênh lệch tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực kinh tế Nhà nước của nước ta năm 2021 so với năm 2010 bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Lai Châu*(Đơn vị: °C)*

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lai Châu	13,2	16,6	19,1	22,9	24,6	24,3	24,3	23,4	23,6	21,6	18,5	16,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Lai Châu năm 2023 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của °C).

Câu 6: Tại độ cao 500 m trên cùng dãy núi có nhiệt độ là 35°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2500 m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.B	2.A	3.C	4.B	5.A	6.C	7.C	8.D	9.D	10. A
11.D	12.C	13.C	14.B	15.C	16.C	17.D	18. D		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức phân quá trình đô thị hóa ở nước ta.

Cách giải:

Số lượng đô thị ở nước ta đã tăng nhanh trong những năm gần đây, phản ánh quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

Chọn B.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các nguyên nhân dẫn tới sự phân hóa thiên nhiên theo chiều đông – tây.

Cách giải:

Thiên nhiên Việt Nam có sự phân hóa Đông - Tây chủ yếu do gió mùa và hướng của các dãy núi.
- Gió mùa Đông Bắc (mùa đông) và gió mùa Tây Nam (mùa hè) tác động mạnh đến sự phân hóa khí hậu theo hướng Đông - Tây. Các khu vực đón gió và khu vực khuất gió có sự khác biệt rõ rệt về lượng mưa và nhiệt độ.

- Các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam (Hoàng Liên Sơn) và vòng cung (Đông Bắc) ảnh hưởng đến sự phân hóa khí hậu, sinh vật và thổ nhưỡng giữa các sườn núi.

Ví dụ: Trường Sơn Đông và Trường Sơn Tây có sự khác biệt rõ rệt về khí hậu và thảm thực vật do ảnh hưởng của gió mùa.

Chọn A.

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức phân chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta.

Cách giải:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành giúp phát huy lợi thế và sử dụng hợp lý nguồn lực của đất nước. Ví dụ: Chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ giúp khai thác tốt hơn nguồn lao động và tài nguyên.

Phát triển các ngành mũi nhọn như công nghệ thông tin, chế biến, du lịch giúp tận dụng lợi thế so sánh của Việt Nam.

Chọn C.

Câu 4 (NB):**Phương pháp:**

Kiến thức phần chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.

Cách giải:

Cơ cấu sản phẩm công nghiệp của nước ta chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai thác. Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu công nghiệp vì phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế hiện đại, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn so với khai thác tài nguyên thô, hỗ trợ xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

Chọn B.

Câu 5 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào kiến thức phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Cách giải:

Ban hành Sách Đỏ, xây dựng các vườn quốc gia, khu bảo tồn là biện pháp chủ yếu và hiệu quả nhất để bảo vệ đa dạng sinh học.

- Ban hành Sách Đỏ Việt Nam giúp xác định các loài động, thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng để có biện pháp bảo vệ.
- Xây dựng vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên giúp duy trì hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.

Chọn A.

Câu 6 (NB):**Phương pháp:**

Kiến thức phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần.

Cách giải:

Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Việt Nam: chi phối các ngành kinh tế quan trọng như: điện, dầu khí, ngân hàng, hàng không, viễn thông...; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo quốc phòng - an ninh; đầu tư vào hạ tầng, các lĩnh vực then chốt mà khu vực tư nhân chưa phát triển mạnh.

Chọn C.

Câu 7 (NB):**Phương pháp:**

Kiến thức phần vị trí địa lí nước ta.

Cách giải:

Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến của bán cầu Bắc, có vĩ độ từ khoảng $8^{\circ}34'B$ đến $23^{\circ}23'B$.

Chọn C.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Nội dung kiến thức phần phòng chống thiên tai.

Cách giải:

- Lũ quét là thiên tai đặc trưng của vùng núi nước ta, thường xảy ra sau những trận mưa lớn kéo dài.

- Nguyên nhân:

+ Địa hình dốc, đất dễ sạt lở.

+ Mưa lớn, rừng bị chặt phá làm giảm khả năng giữ nước.

+ Dòng chảy mạnh cuốn trôi đất đá, gây thiệt hại nặng nề.

- Khu vực chịu ảnh hưởng nhiều: Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

Chọn D.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần chất lượng lao động nước ta.

Cách giải:

Lao động chưa qua đào tạo chiếm 73,8% tổng lực lượng lao động (2021).

Chọn D.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần gió mùa.

Cách giải:

Gió mùa Đông Bắc ở nước ta có nguồn gốc từ áp cao Xi-bia (Siberia, Nga) vào mùa đông.

Chọn A.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần ngành chăn nuôi nước ta.

Cách giải:

Nguồn cung cấp thịt chủ yếu của nước ta hiện nay là từ chăn nuôi lợn, chiếm khoảng 60 – 70% sản lượng thịt các loại (2021).

Chọn D.

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Phân tích tổng hợp.

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu giúp ngành nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh hiện nay là do nhu cầu thị trường và công nghiệp chế biến.

- Thị trường tiêu thụ mở rộng: Xuất khẩu thủy sản tăng mạnh, đặc biệt sang Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) giúp giảm thuế xuất khẩu, thúc đẩy tiêu thụ thủy sản Việt Nam.

- Công nghiệp chế biến phát triển: Hệ thống nhà máy chế biến hiện đại giúp gia tăng giá trị sản phẩm, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu. Thủy sản đông lạnh, chế biến sẵn có sức hút lớn trên thị trường thế giới.

Ví dụ: Cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng của Việt Nam có giá trị xuất khẩu cao nhờ chế biến công nghiệp.

Chọn C.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần đất (Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa).

Cách giải:

Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng đồi núi thấp trên đá mẹ axit => đất feralit là loại đất chủ yếu ở đồi núi nước ta.

Chọn C.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các nguyên nhân hình thành mạng lưới sông ở nước ta.

Cách giải:

Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc chủ yếu do mưa nhiều và địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh. - Lượng mưa lớn: Việt Nam có lượng mưa trung bình 1500 - 2500mm/năm, giúp cung cấp nước dồi dào cho hệ thống sông ngòi.

- Địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh: Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích cả nước, với nhiều dãy núi chạy dài theo hướng khác nhau. Sự chia cắt mạnh của địa hình làm hình thành nhiều sông ngòi có lưu vực nhỏ, độ dốc lớn.

Chọn B.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần cơ cấu dân số theo tuổi.

Cách giải:

Dân số nước ta cơ cấu đang già hoá. Cơ cấu dân số theo tuổi của nước ta đang thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng dân số nhóm 0 - 14 tuổi, tăng tỉ trọng dân số nhóm 15 - 64 tuổi và từ 65 tuổi trở lên. Tỉ lệ người trên 60 tuổi ngày càng tăng. Tỉ lệ sinh giảm, tuổi thọ trung bình tăng, dẫn đến già hóa nhanh hơn.

Chọn C.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần trang trại (tổ chức lãnh thổ nông nghiệp).

Cách giải:

Trang trại nuôi trồng thủy sản tập trung nhiều nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long với 1825 trang trại năm 2021.

Chọn C.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Nhận xét biểu đồ.

Cách giải:

Giai đoạn 2019 - 2023 sản lượng bia giảm từ 4593,6 triệu lít xuống còn 4176,6 triệu lít, giảm 417 triệu lít. Sản lượng nước khoáng cũng giảm từ 1251,8 triệu lít (2019) xuống 1049,1 triệu lít (2023). **Chọn D.**

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các thế mạnh để sản xuất cây công nghiệp lâu năm. Chú ý từ khóa “thuận lợi tự nhiên”

Cách giải:

Thuận lợi tự nhiên để sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta là có nhiều diện tích đất feralit. Đất feralit là loại đất chính ở miền núi và trung du Việt Nam, thích hợp cho cây công nghiệp lâu năm như: Cà phê (Tây Nguyên), cao su (Đông Nam Bộ), chè (Trung du miền núi Bắc Bộ), hồ tiêu (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên). Đất feralit có tầng phong hóa dày, giàu khoáng chất, phù hợp với các cây công nghiệp có chu kỳ sinh trưởng dài.

Chọn D.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐSS	ĐĐĐS	SSĐĐ	ĐSĐS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Phương pháp: Tính toán.

Công thức tính: Cán cân thương mại = trị giá xuất khẩu – trị giá nhập khẩu

Cách giải:

a) Đúng. Năm 2021, Bru-nây có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá 4,3 tỉ USD.

- Xuất khẩu > Nhập khẩu → Xuất siêu.

- Cán cân thương mại năm 2021 = trị giá xuất khẩu – trị giá nhập khẩu = 11,5 tỉ USD - 7,2 tỉ USD = 4,3 tỉ USD. → Xuất siêu.

b) Đúng. Từ năm 2015 - 2021, trị giá nhập khẩu của Bru-nây tăng nhanh hơn trị giá xuất khẩu.

Cụ thể:

- Xuất khẩu tăng từ 6,4 tỉ USD lên 11,5 tỉ USD, tăng khoảng 1,8 lần.

- Nhập khẩu tăng từ 3,2 tỉ USD lên 7,2 tỉ USD, tăng khoảng 2,3 lần.

c) Sai. Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Bru-nây đều giảm trong giai đoạn 2019 – 2020.

d) Sai. Trong giai đoạn 2019 - 2021, Bru-nây luôn có cán cân thương mại xuất siêu (Xuất khẩu luôn lớn hơn Nhập khẩu). Cụ thể:

Năm 2019: Xuất khẩu = 7 tỉ USD, Nhập khẩu = 5,1 tỉ USD → Xuất siêu.

Năm 2020: Xuất khẩu = 6,6 tỉ USD, Nhập khẩu = 5,3 tỉ USD → Xuất siêu.

Năm 2021: Xuất khẩu = 11,5 tỉ USD, Nhập khẩu = 7,2 tỉ USD → Xuất siêu.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học về phân chăn nuôi để phân tích thực tiễn sự phát triển ngành chăn nuôi nước ta. **Cách giải:**

a) Đúng. Số lượng đàn gia cầm tăng nhanh là do sự phát triển mạnh của công nghiệp chế biến thức ăn, sản xuất gắn với thị trường:

- Công nghiệp chế biến thức ăn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển đàn gia cầm. Sự phát triển của các nhà máy chế biến thức ăn giúp cải thiện chất lượng và giảm chi phí sản xuất cho người chăn nuôi, từ đó nâng cao năng suất chăn nuôi.

- Sản xuất gắn với thị trường: Ngành gia cầm phát triển mạnh mẽ khi có một hệ thống thị trường ổn định, cung cấp nhu cầu tiêu thụ sản phẩm. Các nhà sản xuất gia cầm có thể đáp ứng nhu cầu thị trường một cách hiệu quả hơn, giúp mở rộng quy mô chăn nuôi và tăng trưởng số lượng đàn gia cầm.

b) Đúng. Giá trị sản xuất và tỉ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp ngày càng tăng:

- Giá trị sản xuất tăng: Việc tăng trưởng mạnh mẽ của ngành chăn nuôi đã dẫn đến gia tăng giá trị sản xuất. Điều này phản ánh sự phát triển không chỉ ở quy mô mà còn ở hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Tỉ trọng tăng: Sự gia tăng tỉ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp cho thấy ngành này đang dần chiếm ưu thế, đóng góp lớn hơn vào GDP nông nghiệp, thay vì chỉ tập trung vào trồng trọt như trước đây. Tỉ trọng sản xuất của ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp năm 2010 là 25,1 %, năm 2021 là 34,7% và ngày càng có vai trò quan trọng.

c) Đúng. Nhờ áp dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, hiệu quả sản xuất của ngành chăn nuôi ngày càng tăng:

- Kỹ thuật và công nghệ tiên tiến: Sự ứng dụng các công nghệ mới trong việc cải tiến giống, chế độ dinh dưỡng, quản lý dịch bệnh và điều kiện chăn nuôi đã giúp ngành chăn nuôi phát triển nhanh chóng. Những công nghệ này giúp giảm chi phí, tăng hiệu quả và giảm thiểu rủi ro trong chăn nuôi. - Hiệu quả sản xuất tăng: Sản lượng và chất lượng sản phẩm (như thịt, trứng, sữa) đã

được cải thiện rõ rệt nhờ vào các phương pháp nuôi trồng hiện đại, từ đó gia tăng thu nhập cho người chăn nuôi và cải thiện nguồn cung thực phẩm cho thị trường.

d) Sai. Chăn nuôi hữu cơ không chỉ áp dụng cho bò sữa mà còn đang được mở rộng ra các ngành khác như chăn nuôi gia cầm (gà, vịt), gia súc (bò, cừu), và các loại gia súc khác, đặc biệt trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến sản phẩm thực phẩm an toàn, không chứa hóa chất hay thuốc kháng sinh. Các sản phẩm hữu cơ này cũng đang ngày càng có mặt trên thị trường, không chỉ để phục vụ nhu cầu trong nước mà còn để xuất khẩu sang các thị trường quốc tế, nơi mà tiêu chuẩn thực phẩm hữu cơ ngày càng được yêu cầu cao.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học về phân công nghiệp để phân tích.

Cách giải:

a) Sai. Mặc dù thị trường tiêu thụ trong nước có thể không bằng các thị trường quốc tế, nhưng không phải là khó khăn chủ yếu. Những yếu tố như công nghệ, vốn đầu tư, và lao động tay nghề cao mới là thách thức lớn hơn.

b) Sai. Mặc dù việc đầu tư vào nông thôn để tận dụng lao động dồi dào giá rẻ là một trong những yếu tố có thể góp phần vào phát triển các ngành công nghiệp, nhưng đối với ngành sản xuất sản phẩm điện tử và máy vi tính, yếu tố quan trọng hơn là yêu cầu về trình độ kỹ thuật cao và hạ tầng công nghệ. Các nhà máy sản xuất sản phẩm điện tử thường cần lao động có tay nghề cao và môi trường làm việc đòi hỏi công nghệ tiên tiến, mà điều này thường có sẵn ở các thành phố lớn hơn, nơi có các trường đào tạo kỹ thuật, công nghệ và cơ sở hạ tầng phù hợp.

c) Đúng. Ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính yêu cầu nguồn vốn đầu tư lớn và lao động có kỹ năng cao. Chính vì vậy, các nhà máy, cơ sở sản xuất này chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, nơi có cơ sở hạ tầng phát triển, gần các nguồn cung cấp lao động chất lượng cao và tiện lợi hơn cho việc xuất khẩu.

d) Đúng. Các sản phẩm như tivi, tủ lạnh, máy tính, linh kiện điện tử, điện thoại và thiết bị điện là những sản phẩm chủ yếu trong ngành sản xuất sản phẩm điện tử. Đây là những sản phẩm có nhu cầu tiêu thụ lớn trên thị trường cả trong nước và quốc tế, và là những mặt hàng được sản xuất với công nghệ hiện đại trong ngành điện tử.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Phân tích thông tin và kiến thức đã học phân thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

a) Đúng. Với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nước ta có lượng mưa dồi dào, ánh sáng mặt trời nhiều, và nguồn nước phong phú, giúp cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là việc trồng vụ và năng suất cây trồng. Các điều kiện khí hậu thuận lợi này giúp nông dân có thể trồng nhiều loại cây và thu hoạch nhiều vụ trong năm.

b) Sai. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nhưng thiên nhiên có sự phân hóa nên không phải khắp mọi nơi trên lãnh thổ đều có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.

VD: Vùng núi cao ở phía Bắc và Tây Bắc của nước ta có thể có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn 20°C , đặc biệt là các khu vực như Sapa, Mẫu Sơn. Các vùng này có khí hậu ôn đới, với mùa đông lạnh và nhiệt độ có thể xuống dưới 0°C .

c) Đúng. Tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam biểu hiện ở một số yếu tố chủ yếu, trong đó có tổng số giờ nắng trong năm và nhiệt độ trung bình năm cao. Trên cả nước, tổng số giờ nắng trong năm phổ biến từ 1400 đến 3000 giờ. Ngoài các vùng núi cao và trung bình, nhiệt độ không khí trung bình năm của cả nước thường lớn hơn 21°C .

d) Sai vì tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí địa lí nằm trong vùng nội chí tuyến. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có góc nhập xạ lớn, nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn và ở mọi nơi trong năm đều có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh. Tiếp giáp với Biển Đông không phải là nguyên nhân.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	61,9	8	1098	14,4	11,4	23

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Tỷ lệ dân số nông thôn = Dân số nông thôn : Tổng số dân $\times 100$

Cách giải:

Ta có:

Dân số nông thôn = $100,3 - 38,2 = 62,1$ triệu người

→ Tỷ lệ dân số nông thôn = $62,1 : 100,3 \times 100 \approx 61,9\%$

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Năng suất lúa = Sản lượng lúa : Diện tích gieo trồng

Cách giải:

- Năng suất lúa của nước ta năm 2010 = $40 : 7,5 \approx 5,33$ tấn/ha = 53,3 tạ/ha

- Năng suất lúa của nước ta năm 2021 = $43,9 : 7,2 \approx 6,08$ tấn/ha = 60,8 tạ/ha

→ Sự thay đổi năng suất = $60,8 \text{ tạ/ha} - 53,3 \text{ tạ/ha} = 7,5 \text{ tạ/ha} \approx 8 \text{ tạ/ha}$.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Mật độ dân số = Số dân : Diện tích

Cách giải:

Ta có:

Số dân = 23372,4 nghìn người = 23372400 người

Diện tích = $21278,6 \text{ km}^2$

→ Mật độ dân số = $23372400 : 21278,6 \approx 1098 \text{ người/ km}^2$

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính:

Tỉ trọng GTSXCN khu vực kinh tế Nhà Nước = $\frac{\text{Giá trị sản xuất của khu vực Nhà nước}}{\text{Tổng giá trị sản xuất công nghiệp}} \times 100$

Cách giải:

Ta có:

Tỉ trọng GTSXCN khu vực kinh tế Nhà Nước năm 2010 = $636,5 : 3045,6 \times 100 \approx 20,9\%$

Tỉ trọng GTSXCN khu vực kinh tế Nhà Nước năm 2021 = $846,7 : 13026,8 \times 100 \approx 6,5\%$

→ Chênh lệch tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực kinh tế Nhà nước của nước ta năm 2021 so với năm 2010 là 14,4%.

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Công thức tính: Biên độ nhiệt độ = Nhiệt độ cao nhất – Nhiệt độ thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt độ năm tại Lai Châu năm 2023 = $24,6^\circ\text{C} - 13,2^\circ\text{C} \approx 11,4^\circ\text{C}$

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính nhiệt độ và độ cao theo tiêu chuẩn cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm $0,6^\circ\text{C}$, ở sườn khuất gió xuống 100m nhiệt độ tăng 1°C .

Cách giải:

sườn khuất gió xuống 100m nhiệt độ tăng 1°C .

Ta có: Lên cao 1000m thì nhiệt độ giảm 6°C

- Khoảng cách giữa độ cao 500 m và 2500 m là 2000 m

→ Sự thay đổi nhiệt độ = $(2000 : 1000) \times 6 = 12^\circ\text{C}$ (Nhiệt độ giảm 12°C khi tăng độ cao từ 500 m lên 2500 m).

→ Nhiệt độ tại độ cao 2500 m = $35^\circ\text{C} - 12^\circ\text{C} = 23^\circ\text{C}$